**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HƯNG HÀ**
**TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2022
*V/v Ly hôn giữa*
*Chị Đ và anh Ng*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhàn.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Tống Xuân Tú
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14-6-2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 08-4-2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-5-2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Mụ Thị Đ, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

**Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.
(Chị Đ, anh Ng đều có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mụ Thị Đ trình bày*: Chị kết hôn với anh Ng là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 13-12-2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ng. Về nuôi con chung: Chị và anh Ng có 01 con chung là Mụ Thanh Ch, sinh ngày 11-07-2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người nuôi

dưỡng con. Khi ly hôn chị xin tiếp tục nuôi con, chị xin nuôi con hoàn toàn không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn Ng trình bày*: Anh kết hôn với Chị Đ là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 13-12-2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Nay Chị Đ xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và Chị Đ được ly hôn. Về nuôi con chung: Vợ chồng có có 01 con chung là Mụ Thanh Ch, sinh ngày 11-07-2011. Hiện nay đang do Chị Đ nuôi dưỡng con. Khi ly hôn anh đồng ý để Chị Đ nuôi con, Chị Đ không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh cũng đồng ý. Về chia tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa Chị Đ và anh Ng. Về nuôi con chung: Giao cháu Mụ Thanh Ch, sinh ngày 11-07-2011 cho Chị Đ trực tiếp nuôi con, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Ng được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Về chia tài sản chung: Chị Đ và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:*

[1] *Về tố tụng*: Chị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Ng, trú tại Thôn D, xã T, huyện H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình. Chị Đ, anh Ng đều có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Quyết định mở phiên tòa xét xử vắng mặt Chị Đ, anh Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Đ, anh Ng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 13-12-2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Chị Đ, anh Ng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị Đ, anh Ng ly hôn. Hội đồng xét xử xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa Chị Đ và anh Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Đ, anh Ng có 01 con chung là Mụ Thanh Ch, sinh ngày 11-07-2011. Khi ly hôn Chị Đ, anh Ng thỏa thuận để Chị Đ trực tiếp nuôi con, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản chung*: Chị Đ, anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa chị Mụ Thị Đ và anh Nguyễn Văn Ng.

2. ***Về nuôi con chung***: Giao cho Chị Đ trực tiếp nuôi con Mụ Thanh Ch, sinh ngày 11-07-2011, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ng được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản chung***: Không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003643 ngày 08-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình (Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí).

5. Chị Đ, Anh Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nơi nhận**:
- Đương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Thị Nhàn**